

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	RP2+RP1+TD5	7:25	6+0+16	0+0+0		0+2+18	0+0+0	
2	426	TD3+P2+TD1	7:25	22+0+0	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
3	846	JS2+PVD2	9:25	22+0+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	
4	426	P1+JS2+CLO	9:25	9+13+0	0+0+0		0+15+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2018	TO: RP2 - RP1 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hoi - <i>Tuyen</i> - Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG NHU THIEN	RP2	86	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
2	THINH TUAN HAI	RP2	85	1	13		81	XAYLAP	Vietnamese
3	VU TU HUE	RP2	83-84	2	14		55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAN	RP2	82	1	6		71	NHATHAU	Vietnamese
5	ALEKHIN A.G	TD5	48	1	8		101	KHOAN	Russian
6	VO NGUYEN KHANG	TD5	52	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DAI QUAN	TD5	60	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN CHIEN	TD5	63	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐANG ĐINH THỌ	TD5	61	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	TÔ THANH HUNG	TD5	58	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CAO KHANH	TD5	59	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH CÔNG	TD5	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TUE	TD5	51	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
14	ĐANG VĂN HƠN	TD5	56	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
15	BUI ĐỨC TOAN	TD5	55	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH ĐỨC KIEN	TD5	64	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN CAO DANH	TD5	57	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐINH PHUC	TD5	54	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	50	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	49	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC TAN	TD5	53	1	9		75	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	4	5	43	269	0	2		
2	RP1	0	0	0	0	0	2		
3	TD5	17	17	83	1.283	0	18		
TOTAL		21	22	126	1.552	0	22		
WEIGHT KG				126	1.552	0			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Mar-18	TO: TD3 - P2 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - PTUAN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOROKA A.S	TD3	57	1	7		120	KHOAN	Russian
2	KORIAKOV A.S	TD3	54	1	5		75	KHOAN	Russian
3	GOLOVIN G.B	TD3	55	1	10		110	KHOAN	Russian
4	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	58	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	BUI QUANG DANG	TD3				95	80	KHOAN	Vietnamese
6	VU TRONG NGHIA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THANH TU	TD3	66	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DUY THANH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	DAO LE XUAN SON	TD3	60	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN HUONG	TD3	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC HA	TD3	59	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
12	VU TIEN LUC	TD3	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHUNG VAN XUYEN	TD3	64	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN LE KIEN	TD3	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	LUU VAN SON	TD3	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	DANG DINH DINH	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN CONG MINH	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HOA	TD3	65	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	SALAKHOV	TD3	56	1	10		100	ANTOAN	Russian
20	CAO KINH THAO	TD3	69	1	15		70	T-TIN	Vietnamese
21	LE CHI CONG	TD3	67-68	2	10		65	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN NGOC THAI	TD1	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	17	110	1.610	95	13		
2	P2	0	0	0	0	0	3		
3	TD1	1	1	5	75	0	6		
TOTAL		22	18	115	1.685	95	22		
WEIGHT KG				115	1.685	95			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Mar-18	TO: JS2 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hòì - TUYỀN - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TUAT	JS2	69	1	13	42	79	XAYLAP	Vietnamese
2	LE XUAN LAP	JS2	66-67	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NAM KHANH	JS2	64-65	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN QUANG SANG	JS2	68	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THUONG	JS2	84	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VAN CHUNG	JS2	76	1	9		51	XAYLAP	Vietnamese
7	LE TRUNG HIEU	JS2	52	1	7	22	64	KHOAN	Vietnamese
8	DCUNHA DAMIAN JOSHEPH	JS2	99	1	10	15	85	KHOAN	Australian
9	PUTHEMPARAMBU THAKACHEN SHIBU	JS2	70-71	2	13		82	KHOAN	Indian
10	NARENDRASINH PARIHAR	JS2	49-50	2	20		105	KHOAN	Indian
11	TRAN VAN TIEP	JS2	63	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY THANH	JS2	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HA	JS2	58	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THOM	JS2	57	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN QUY	JS2	72	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC CONG	JS2	51	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	54	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHUE	JS2	53	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
19	DO VAN HUNG	JS2	55	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRI	JS2	56	1	4		89	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN DUC CUONG	JS2	60-61	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
22	DAO VAN SINH	JS2	59	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	27	197	1.525	79	19		
2	PVD2	0	0	0	0	7	3		
TOTAL		22	27	197	1.525	86	22		
WEIGHT KG				197	1.525	86			

GRAND TOTAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2018	TO: P1 - JS2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - PTUAN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CHINH	P1	04	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
2	HUYNH KY MINH TUAN	P1	40-41	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
3	CAO VAN GIAP	P1	03	1	8		85	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN DINH MINH	P1	08-09	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN ĐỨC	P1	05	1	9		80	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI DINH THỌ	P1	38	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
7	VU MINH TRI	P1	39	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH SON	P1	06-07	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRINH VAN TU	P1	42	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG CONG THANG	JS2	62	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH KIM LONG	JS2	99,600	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN VINH	JS2	74,97	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM QUANG HUNG	JS2	66	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE KHAC BAO	JS2	69	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN GIA CHINH	JS2	70	1	6	30	50	KHOAN	Vietnamese
16	DAO THANH HIEU	JS2	72	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGO MINH HIEU	JS2	67-68	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MEN	JS2	63-65	3	17		72	KHOAN	Vietnamese
19	LA QUI DANH	JS2	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TUYEN	JS2	98	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN VINH.	JS2	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM BUI THANH LỘC	JS2	71	1	10		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	12	111	630	0	0		
2	JS2	13	18	121	860	30	15		
3	CLO	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	30	232	1.490	30	21		
WEIGHT KG				232	1.490	30			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	BK14+BK9+CTK3	7:25	9+6+7	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2	426	VSP02+RP3+RCDM	7:25	22+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
3	428	CTK3+CLO+TD2	7:25	17+2+3	0+0+0		15+1+6	0+0+0	CHUYỂN PUMA
4	610	AMD+TGTH1	7:30	15+3	0+0		14+4	0+0	
5	846	P1+P2+P4	9:25	16+5+1	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
6	426	TTCl+PPD	9:25	2+2+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
7	428	CTK3+VSP02	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
8	846	P4+CNV+BK9	11:25	14+6+2	0+0+0		9+9+4	0+0+0	

TTDBSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VÉ TRONG NGÀY BK9: 3NG; CTK3-2NG.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: BK14 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hoi - DUONG - DTung	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNHIAVSKY	BK14	53	1	14	74	114	KH-THAC	Russian
2	LUONG XUAN THANH	BK14	50	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH TUAN	BK14	51	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG TUAN ANH	BK14	52	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET LONG	BK14	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI MINH HAI	BK14	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH PHUC	BK14	47	1	6	31	50	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH TRỌNG KIẾN	BK14	45-46	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM NGOC NINH	BK14	49	1	2		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG VINH	BK9				10	90	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN THANG	BK9	800	1	3		54	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUNG	BK9	03	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
13	LUU VAN SON	BK9					80	KH-THAC	Vietnamese
14	VO THE HAU	BK9	01	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TRUONG AN	BK9	02	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	PASHCHANOV ALEKSANDR	CTK3	92	1	3		104	KH-THAC	Russian
17	ORLOV IGOR	CTK3	93	1	4		90	KH-THAC	Russian
18	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TIEN DUNG	CTK3	31	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN TRUNG HIEU	CTK3	51	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	CTK3	91	1	8		79	AN TOAN	Vietnamese
22	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	38	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	9	10	65	700	105	8		
2	BK9	6	4	14	442	10	4		
3	CTK3	7	6	29	556	0	10		
TOTAL		22	20	108	1.698	115	22		
WEIGHT KG				108	1.698	115			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23-Mar-18	TO: VSP02 - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - M.Tuấn - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	58	1	13	39	84	KH-THAC	Russian
2	HOANG MINH TAN	VSP02	73	1	8	16	80	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	67	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN HIEP	VSP02	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH HOAN	VSP02	64	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	SERGIENKO SERGEY	VSP02	59-60	2	11		70	KH-THAC	Russian
7	BOGDAN KARPENKO	VSP02	62	1	10		89	KH-THAC	Russian
8	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	65	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN GIA LONG	VSP02	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MANH THANG	VSP02	78	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	76	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG HUY	VSP02	70	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN PHU	VSP02	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LUONG HA	VSP02	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	83	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HIEP	VSP02	61	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN GIA KHANH	VSP02	74-75	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DONG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
21	DO DUY HOAN	VSP02	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN THE CUONG	VSP02	68	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	23	139	1.615	55	19		
2	RP3	0	0	0	0	40	2		
3	RCDM	0	0	0	0	19	1		
TOTAL		22	23	139	1.615	114	22		
WEIGHT KG				139	1.615	114			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: CTK3 - CLO - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TRI	CTK3	90	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	91	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN MINH	CTK3	89	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN BÁC	CTK3					54	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO THÈ HÙNG	CTK3	93	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN MẠNH	CTK3	900	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM MINH DŨNG	CTK3	700	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	97-98	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN THIÊM	CTK3	96	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NGỌC DUƠNG	CTK3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HAI	CTK3	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	25	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	99	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	95	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG HAI	CTK3	98	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG HÀ	CLO	63-64	2	14		80	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM MẠNH THƯỜNG	CLO	65	1	5		78	NHA THAU	Vietnamese
20	LE HOAI THIÊN	TD2	28	1	13		78	DVL	Vietnamese
21	KIỀU TUẤN ANH	TD2	27	1	10	33	90	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD2	29-30	2	17		74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	16	100	1.122	0	15		
2	CLO	2	3	19	158	0	1		
3	TD2	3	4	40	242	33	6		
TOTAL		22	23	159	1.522	33	22		
WEIGHT KG				159	1.522	33			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: AMD - TGTH1	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Thủy - TÙNG	ETA: 09:15
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH DUY	AMD	06	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN LE HOA	AMD	13	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HIEU THAO	AMD	11	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THUY	AMD	14	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA QUAN	AMD	07-09	3	15		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO QUANG HUAN	AMD	10	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN PHANG	AMD	15	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU CUONG	AMD	04	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU DANG	AMD	01-02	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TRUNG HIEU	AMD	03	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI SY QUYEN	AMD	18-19	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN NGOC PHUC	AMD	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC THANG	AMD	17	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU XUAN DUC	AMD	12	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HY TAC SANG	AMD	16	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN TAN TRI	TGTH1	21-22	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HO TRAN PHUONG DONG	TGTH1	28	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG KIEN (PVDT)	TGTH1	26-27	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	19	125	1.030	0	14		
2	TGTH1	3	5	29	223	0	4		
TOTAL		18	24	154	1.253	0	18		
WEIGHT KG				154	1.253	0			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: P1 - P2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - DTùng	ETA: 11:10
Xanh 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MUZAFAROV	P1	35	1	8		77	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TIEN QUY	P1	38	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUY TIEN	P1	39-40	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LE DINH TAM	P1	47	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN QUOC THINH	P1	41,43	2	18	35	56	XAYLAP	Vietnamese
6	LA TUAN LINH	P1	44	1	8	15	69	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG NGOC HOAI	P1	46	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MINH TAM	P1	45	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐAO ĐỨC ĐÔNG	P1	33-34	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
10	AGAPHONOV	P1	31	1	7		90	NIPI	Russian
11	LE THI KIM OANH	P1	48-49	2	10		57	PSV	Vietnamese
12	LE HONG MINH	P1	36	1	8		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN KHANH CHAN	P1					58	PSV	Vietnamese
14	PHAN SY HOAN	P1	32	1	9		64	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	29-30	2	12		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC THIÊN	P1	37	1	16		67	PSV	Vietnamese
17	OH DONGYOON	P2	24-25	2	15		100	KHI	Korean
18	PARK CHANJONG	P2	22-23	2	12		60	KHI	Korean
19	NGUYEN HUU LUAN	P2	20	1	8		75	KHI	Vietnamese
20	TRINH HOANG THEM	P2	21	1	7		70	KHI	Vietnamese
21	ARKHIPOV	P2	18	1	10		100	ANTOAN	Russian
22	ĐỖ HOA VINH	P4				40	87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	16	20	166	1.080	50	5		
2	P2	5	7	52	405	0	8		
3	P4	1	0	0	87	40	9		
TOTAL		22	27	218	1.572	90	22		
WEIGHT KG				218	1.572	90			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: TTC1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH CONG	TTC1	75	1	8	110	63	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DUC MINH	TTC1	76	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	TRINH LE HUY	PPD	92	1	6		64	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM NGOC PHUONG	PPD	91	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
5	LE XUAN MINH	PPD	89	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HONG DAN	PPD	76-77	2	8		80	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN DINH THANG	PPD	88	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE SY KHOA	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN VINH	PPD	93	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN QUY	PPD	79	1	5	103	71	KH-THAC	Vietnamese
12	TO QUANG HUY	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	PPD	82-83	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH VAN NHA	PPD	84-85	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NHAT QUANG	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VAN THANG	PPD	86	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DANH TUAN	PPD	80	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN VAN THUAN	PPD	90	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC CU	PPD	78	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO SACH DUC	PPD	81	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG TUNG HUYNH	PPD	87	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	2	2	18	128	110	0		
2	PPD	20	18	89	1.392	103	22		
TOTAL		22	20	107	1.520	213	22		
WEIGHT KG				107	1.520	213			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/03/2018	TO: CTK3 - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VẠN - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	35	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CHI CUÔNG	CTK3	34	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC BIEU	CTK3	34	1	7		65	COKHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HIỆP THÀNH	CTK3	80	1	7		84	COKHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	CTK3	82	1	14	15	66	COKHI	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH TUÂN	CTK3	83	1	12		64	COKHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	37	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THI	CTK3	81	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	40	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	43	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	45	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THÈ VINH	VSP02	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUỆ	VSP02	41	1	10	60	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NIKITIN	VSP02	61	1	6		90	ANTOAN	Russian
18	ĐỖ VĂN HỒNG	VSP02	49-50	2	16		73	HDONG	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN LUYẾN	VSP02	48	1	5		80	HDONG	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN NGHIÊM	VSP02	51	1	4		60	HDONG	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN MẠNH	VSP02	47	1	6		58	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	8	63	526	15	6		
2	VSP02	13	13	76	912	60	16		
TOTAL		21	21	139	1.438	75	22		
WEIGHT KG				139	1.438	75			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23-Mar-18	TO: P4 - CNV - BK9	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hòì - CHIẾN - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NAM	P4	06	1	3		80	PSV	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	01	1	4		75	PSV	Vietnamese
3	VÕ VĂN DUNG	P4	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
4	LƯU ĐÌNH THAI	P4	03	1	4		57	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	04	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN AI	P4	10	1	4		63	PSV	Vietnamese
7	LÊ ĐẶC NHA	P4	02	1	4		57	PSV	Vietnamese
8	TÀ QUANG PHÚC	P4	13-14	2	9		103	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	P4	12	1	6		50	PSV	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC TRUNG	P4	11	1	9		57	NHATHAU	Vietnamese
11	PHẠM QUANG THOM	P4	05	1	6		65	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HÀ	P4	08	1	5	50	57	NHATHAU	Vietnamese
13	TRẦN ANH HÙNG	CNV	79	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	80	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	78	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TRÍ	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG ĐÌNH VINH	CNV	82	1	11	42	74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	81	1	6		90	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	66	1	3	30	77	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI ĐỨC KHANH	BK9	65	1	4		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	13	64	794	50	9		
2	CNV	6	5	37	458	42	9		
3	BK9	2	2	7	134	30	4		
TOTAL		20	20	108	1.386	122	22		
WEIGHT KG				108	1.386	122			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CIO+P1+P8	7:25	22+0+0	0+0+0		17+1+3	0+0+0	TRANS 1 pax từ GTCl-BK6
2		GTCl+BK16+CTK3	7:25	5+5+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	TRANS 2 PAX TD1-TD3
3		TD1+TD5+VSP02	7:25	19+3+0	0+0+0		12+1+9	0+0+0	TRANS 6 PAX HSD-AMD
4		P11+HSD+AMD	7:25	10+0+12	0+0+0		0+1+18	0+0+0	TRANS 5 PAX PPD-BK10
5		PPD+BK10	9:25	21+1+0	0+0+0		15+0	0+0+0	
6		RP1+RP2+CTK3	9:25	8+1+11	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
7		RC5+RC3+PPD	9:25	5+0+17	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
8		BK14+CTK3+JS2	9:25	1+17+4	0+0+0		1+12+9	0+0+0	
9		T.UNG	11:00	14	0		16	0	
10		RP3+P11+CTK3	11:25	9+5+4	0+0+0		8+2+11	0+0+0	
11		TGTH4+TD1+P2	11:25	4+16+0	0+0+0		2+5+15	0+0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY P11: 2 NGƯỜI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: CLO - P1 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Trường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO NGOC HOAN	CLO	78-79	2	10		90	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THỌ	CLO	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	KIRICHENKO K.P	CLO	70	1	4		78	KHOAN	Russian
4	VUONG NGOC HOAN	CLO	76	1	5	30	75	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN CÔNG PHU	CLO	72	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TUONG LONG	CLO	85	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
7	VU THE NANG	CLO	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	CLO	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	VU MINH TU	CLO	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN LONG	CLO	68	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN BUI QUANG	CLO	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	YUZY	CLO	87	1	7		110	KH-THAC	Russian
13	HỒ NGỌC BÉN	CLO	74	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIEN	CLO	88	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN LE ĐANG QUANG	CLO	77	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	MAKAROV	CLO	66	1	5		90	ANTOAN	Russian
17	NGUYEN CHI LINH	CLO	75	1	5		82	DVL	Vietnamese
18	LE VAN BAO	CLO	84	1	10		60	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEU	CLO	80	1	17		83	DVL	Vietnamese
20	TRUONG DINH VINH	CLO	86	1	5		75	DVL	Vietnamese
21	TRUONG QUOC THANG	CLO	83	1	5		86	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	22	135	1.635	30	18		
2	P1	0	0	0	0	15	3		
3	P8	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		21	22	135	1.635	85	22		
WEIGHT KG				135	1.635	85			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Mar-18	TO: GTC1 - BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - TUYỀN - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM THAI	GTC1	68	1	5	70	57	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN HUU TRUNG	GTC1	69	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG TRAN KHANH	GTC1	65	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG MANH	GTC1	66	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	67	1	3		62	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HA	BK16	03	1	7	50	78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LIEU	BK16	01	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY TUAN	BK16	04	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO ĐUC THANG	BK16	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO XUAN HANH	BK16	900	1	4		78	PSV	Vietnamese
11	LE HUY TAM	CTK3	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG VIET	CTK3	91-92	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG TRUNG	CTK3	87	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TO TRONG TUAN	CTK3	89	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	LE XUAN DAT	CTK3	94	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DAN	CTK3	97	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH ĐAO	CTK3	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG HA	CTK3	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU XUAN TRUC	CTK3	90	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TIEN PHUONG	CTK3	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	5	5	34	335	70	54		CHUYEN 1 PAX TU GTC1 SANG BK16
2	BK16	5	5	26	372	50	5		
3	CTK3	11	11	61	797	0	12		
TOTAL		21	21	121	1.504	120	22		
WEIGHT KG				121	1.504	120			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: TD1 - TD5 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: TD1-TE	FROM: VT	CREW: Hoi - DUONG - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MANH HUNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	38	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY BAI	TD1	54	1	9		77	CODIEN	Vietnamese
4	VU TRONG NGHIA	TD1	39-40	2	9		65	CODIEN	Vietnamese
5	YANCHENKO	TD1	44	1	10	35	79	ANTOAN	Russian
6	TRAN VAN GIANG	TD1	47	1	8	60	75	DVL	Vietnamese
7	TRAN KHAC HOP	TD1	50	1	11		73	NHATHAU	Vietnamese
8	LE ANH SON	TD1	51	1	10		60	NHATHAU	Vietnamese
9	GIANG HONG SON	TD1	63-64	2	18		70	NHATHAU	Vietnamese
10	HOANG VAN NAM	TD1	49	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
11	LE BA PHUONG	TD1	43	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	LE QUOC BAO	TD1	46	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	Dinh XUAN HOA	TD1	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG ANH TUAN	TD1	41	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DANG LAM	TD1	42	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	TD1	55-56	2	11		65	Y TE	Vietnamese
17	HA THANH TUNG	TD1	53	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN HUYNH LAM	TD1	52	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
19	TRANG NGOC HUNG	TD1	48	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	TD5	06	1	12		73	DVL	Vietnamese
21	PHAN DANG TUAN	TD5	07-08	2	16		56	DVL	Vietnamese
22	MESHKOV M.Y	TD5	09	1	13		70	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	21	152	1.342	95	12	9	CHUYEN 02 PAX TU TDI SANG TD5
2	TD5	3	4	41	199	0	1		
3	VSP02	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	25	193	1.541	95	22		
WEIGHT KG				193	1.541	95			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: P11 - HSD - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:30
TRANG-1.			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENCO	P11					100	DIEUHANH	Russian
2	NGUYEN XUAN THO	P11	57	1	5		86	D-HANH	Vietnamese
3	HUYNH XUAN TRUONG	P11	64	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
4	LUU QUOC NHAT	P11	61	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
5	ORLOV	P11	58	1	4		88	KH-THAC	Russian
6	KRAPIVKA	P11	56	1	4		89	KH-THAC	Russian
7	YUSUPOV	P11	55	1	6		68	KH-THAC	Russian
8	CHU MINH HUNG	P11	62	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	KAZIKOV	P11	63	1	7		100	ANTOAN	Russian
10	ELTUKOV	P11	59-60	2	5		90	XAYLAP	Russian
11	PHAM VU THANG	AMD	30-31	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	DO DUC THINH	AMD	26	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO THANH TUAN	AMD	28	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOANG	AMD	27	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH HUU TINH	AMD	32	1	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	29	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THỂ HẠO	AMD	33	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	34	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO VAN BAC	AMD	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN THANH QUANG	AMD	35	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	10	46	839	0	0		
2	HSD	0	0	0	0	0	1+6		CHUYEN 06 PAX HSD SANG AMD
3	AMD	11	12	81	766	50	18		
TOTAL		21	22	127	1.605	50	19		
WEIGHT KG				127	1.605	50			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: PPD - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TUAN ANH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG CHUONG	PPD	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HAI	PPD	37	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	VO MAU MEN	PPD	34	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	TO HIEN THANH	PPD	21	1	3	60	50	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG TUAN HUNG	PPD	38	1	3	78	67	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN BA	PPD	22	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DU	PPD	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG ĐINH TIEN	PPD	36	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN THANG	PPD	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN THANH QUANG	PPD	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC VIET	PPD	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN CAO TUAN	PPD	45	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHONG	PPD	29	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI ĐINH KHANG	PPD	30	1	6		50	CODIEN	Vietnamese
16	PIATOV C. B.	PPD	23	1	7		95	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN THANH BINH	PPD	35	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	LE ANH TUAN	PPD	28	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
19	LE NGOC HAI	PPD	32	1	10	15	87	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN DUNG	PPD	39	1	12		50	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG SON	PPD	26-27	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HIEU	BK10	61	1	7	35	50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	21	119	1.464	153	16+	5	CHUYEN 5PAX TU PPD SANG BK10
2	BK10	1	1	7	50	35	0		
TOTAL		22	22	126	1.514	188	16		
WEIGHT KG				126	1.514	188			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: RP1 - RP2 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - TUYỀN - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THAI	RP1	68-69	2	13	50	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN NIN	RP1	71	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HONG SON	RP1	72-73	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN MINH BANG	RP1	78	1	5		85	PSV	Vietnamese
5	DUONG TRUNG KIEN	RP1	75	1	6		75	PSV	Vietnamese
6	TRAN VUONG CHINH TONG	RP1	70	1	7		62	PSV	Vietnamese
7	HO DINH LOC	RP1	77	1	6		75	PSV	Vietnamese
8	HOANG NGOC TOAN	RP1	76	1	2		67	PSV	Vietnamese
9	TRAN TRUNG HIEP	RP2	89	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUAN	RP2	88	1	5		55	H-DONG	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THANG	CTK3	90	1	4	40	69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	CTK3	400	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	84	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DAO VAN MINH	CTK3	86	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
15	SKRIPILOV	CTK3	87	1	9		84	KH-THAC	Russian
16	TRAN DUC BAU	CTK3	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THANH HOAT	CTK3	88	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	89	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VIET HUNG	CTK3	39	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM THANH HAI	CTK3	85	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	10	63	582	50	5		
2	RP2	2	2	8	121	0	6		
3	CTK3	11	10	44	760	40	11		
TOTAL		21	22	115	1.463	90	22		
WEIGHT KG				115	1.463	90			

GRAND TOTAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Mar-18	TO: RC5 - RC3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: RC5-RC	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIM NHAT THANH	RC5	91-92	2	7		57	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐƯƠNG	RC5	87	1	15	10	62	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ MINH SỸ	RC5	96-97	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN BA THUAN	RC5	94-95	2	16		65	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ XUÂN LINH	RC5	93	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC CUONG	RC5	89-90	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TRONG	RC5	98	1	6		58	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TINH	PPD	29-30	2	25		67	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	46-47	2	12		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN ĐÌNH DUNG	PPD	298	1	10	50	80	KHI	Vietnamese
11	TRẦN THỊ THANH	PPD	33	1	7		60	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DIỆP	PPD	28	1	3		46	PSV	Vietnamese
13	PHAN THANH HAI	PPD	99	1	4		68	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN TRONG	PPD	27	1	3		102	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TIẾN BĂNG	PPD	08	1	4		60	PSV	Vietnamese
16	VŨ THÈ LIÊN	PPD	98	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KIEN	PPD	10-11	2	14		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VIỆT THANG	PPD	26	1	6		60	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN GIANG	PPD	31-32	2	7		58	PSV	Vietnamese
20	TRẦN LÊ VIỆT	PPD	09	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN MINH ĐÔNG	PPD	12	1	3		45	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN CONG	PPD	100	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	11	79	462	10	0		
2	RC3	0	0	0	0	35	2		
3	PPD	15	19	115	968	50	20		
TOTAL		22	30	194	1.430	95	22		
WEIGHT KG				194	1.430	95			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: BK14 - CTK3 - JS2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH QUỐC	BK14	61	1	3	30	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	06	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	13	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	16	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	11	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	CTK3	20-22	3	16		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUẤN	CTK3	10	1	7	9	68	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC VĂN	CTK3	01	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	12	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐẠI PHONG	CTK3	07	1	3	23	67	YTE	Vietnamese
13	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN KHÁNH	CTK3	05	1	3		69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	02	1	4		80	PSV	Vietnamese
16	TRƯỜNG THANH TRI	CTK3	03	1	3		70	PSV	Vietnamese
17	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	CTK3	09	1	3		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	04	1	3		67	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG QUY BAO	JS2	51	1	5	50	65	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN THANH TỊNH	JS2	53	1	15	4	70	DVL	Vietnamese
21	MULNIUCHKIN V.V	JS2	52	1	12		90	DVL	Russian
22	NGUYỄN VĂN NAM	JS2	54-55	2	18	50	76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	3	72	30	1		
2	CTK3	17	19	97	1.160	32	12		
3	JS2	4	5	50	301	104	9		
TOTAL		22	25	150	1.533	166	22		
WEIGHT KG				150	1.533	166			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:10
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Thủy - ATUẤN	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC BÌNH	BK THIE					67	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIEU	BK THIE	08	1	8		69	PVD	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	BK THIE	02	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG QUY	BK THIE					61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC SANG	BK THIE	03	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRAN SON	BK THIE	09	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN XUAN THUY	BK THIE	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC TOAN	BK THIE	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	VO CHIEN THANG	BK THIE	01	1	5	147	67	KH-THAC	Vietnamese
10	HO VAN TINH	BK THIE	10	1	3		54	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	11	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	05	1	3		63	PSV	Vietnamese
13	LUONG CONG DAT	BK THIE	07	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	13	11	49	836	147	19		
	TOTAL	13	11	49	836	147	19		
	WEIGHT KG			49	836	147			

GRAND TOAL: 1.032 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2018	TO: RP3 - P11 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Trường	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH HA	RP3	83	1	5		66	PSV	Vietnamese
2	HO NGOC THANH	RP3	84-85	2	10		58	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN VY	RP3	86	1	5		68	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	87	1	4		68	PSV	Vietnamese
5	TRAN THANH HAI	RP3	88	1	5		56	PSV	Vietnamese
6	MAI VAN HUNG	RP3	92	1	7		55	PSV	Vietnamese
7	PHAM THE CUONG	RP3	89	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DUY CHINH	RP3	91	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN HIEU	RP3	90	1	4		56	PSV	Vietnamese
10	LE HOANG THI	P11	87	1	4		67	D-HANH	Vietnamese
11	DEMIN	P11	88	1	5		102	D-HANH	Russian
12	FESENKO	P11	90	1	7		78	NIPI	Russian
13	ASTAKHOV	P11	91	1	5		115	NIPI	Russian
14	KOSOLAPOV	P11	89	1	5		115	NIPI	Russian
15	HOANG VAN BAC	CTK3	94	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	PHAN CONG SAM	CTK3	96	1	5	20	72	PSV	Vietnamese
17	LE VAN MINH	CTK3	95	1	5		80	PSV	Vietnamese
18	DINH DOAN TUNG	CTK3	93	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	10	50	542	0	8		
2	P11	5	5	26	477	0	2		
3	CTK3	4	4	18	284	20	11		
TOTAL		18	19	94	1.303	20	21		
WEIGHT KG				94	1.303	20			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Mar-18	TO: TGTH4 - TD1 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Văn - TUYẾN - Luy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC NHÀ	TGTH4	59-60	2	12		53	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG MINH PHUNG	TGTH4	57-58	2	20		58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU ĐUC	TGTH4	61	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG VAN HANH	TGTH4	64	1	14		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HUY BAC	TGTH4	62	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LINH	TD1	93	1	20	35	65	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN CONG KHANH	TD1	94	1	10		80	NHATHAU	Vietnamese
8	MAI HAI LONG	TD1	79	1	7		76	D-HANH	Vietnamese
9	PHAM TIEN CUONG	TD1	77	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
10	LE HONG DUC	TD1	81	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC KHOA	TD1	76	1	11		83	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUONG	TD1	80	1	13		65	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH KHA	TD1	78	1	5		64	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN QUOC VIET	TD1	75	1	12		102	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	TD1	88-89	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN CHINH	TD1	86-87	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
17	VU TUAN ANH	TD1	92	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN HONG THANH	TD1	83	1	10	16	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HAM CHUNG	TD1	90-91	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN MANH CUONG	TD1	84-85	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TUAN	P2	16	1	5		60	H-DONG	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	P2	17	1	7		69	H-DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	5	7	62	323	0	2		
2	TD1	15	19	184	1.087	51	5		
3	P2	2	2	12	129	0	15		
TOTAL		22	28	258	1.539	51	22		
WEIGHT KG				258	1.539	51			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN